

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

Số: 74 /2026/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Lào Cai, ngày 14 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về phạm vi vùng phụ cận và cấm mốc chỉ giới phạm vi
bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số
146/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một
số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý an toàn
đập, hồ chứa nước;*

*Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết thi
hành một số điều của Luật Tài nguyên nước được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định
số 23/2026/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 74/2026/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về quản lý,
sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2026/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một
số điều của Luật Thủy lợi;*

*Căn cứ Thông tư số 26/2025/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hướng dẫn
xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và
Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số
716/TTr-SNNMT ngày 25/8/2026 về việc ban hành Quyết định ban hành Quy định
về phạm vi vùng phụ cận và cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi
trên địa bàn tỉnh Lào Cai;*

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định về phạm vi vùng phụ cận và cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về phạm vi vùng phụ cận và cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 9 năm 2026.

2. Bãi bỏ các Quyết định sau đây:

a) Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

b) Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi và cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

3. Bãi bỏ điểm b khoản 18 Điều 3 Quyết định số 59/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai sửa đổi, bổ sung các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Tư pháp (Tự kiểm tra văn bản);
- Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh;
- Trung tâm thông tin và Hội nghị tỉnh;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Giàng Quốc Hưng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Phạm vi vùng phụ cận và cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lào Cai

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 74 /2026/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2026 của UBND tỉnh Lào Cai)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định phạm vi vùng phụ cận và cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và các tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Vùng phụ cận công trình thủy lợi* là vùng không gian theo phương ngang và phương thẳng đứng tiếp giáp công trình thủy lợi, được quy định áp dụng đối với từng loại công trình nhằm bảo vệ an toàn công trình.

2. *Công trình trên kênh* là công trình được xây dựng trong lòng kênh, trên bờ kênh hoặc tại vị trí giao cắt, chuyển tiếp của kênh, có chức năng dẫn nước, lấy nước, phân phối nước, điều tiết nước, đo nước, chuyển nước, xả nước, tiêu nước hoặc phục vụ quản lý, vận hành hệ thống kênh.

3. *Vai đập* là phần tiếp giáp giữa hai đầu thân đập với mặt đất tự nhiên ở hai bên bờ, bao gồm phần đất, đá và mái dốc có ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn của đập.

4. *Điểm góc* là vị trí gãy khúc, giao cắt hình học hoặc giao điểm tại các góc bao quanh của đường ranh giới xác định phạm vi vùng phụ cận nhằm bao bọc khép kín toàn bộ diện tích cần bảo vệ của một công trình thủy lợi.

5. *Điểm chuyển hướng* là vị trí đường chỉ giới (ranh giới hành lang bảo vệ) có sự thay đổi về phương hướng hoặc bề góc khi chạy dọc theo tuyến công trình thủy lợi dạng đường dài (như kênh, kè, đường ống dẫn nước).

6. *Đập đầu mối* là phần chặn dòng tại điểm khởi đầu này, đóng vai trò tạo ra nguồn nước tĩnh (hồ chứa) hoặc dâng mực nước sông, suối, khe, mạch, mớ nước lên một cao trình nhất định để các công trình lấy nước (như cống, kênh dẫn, trạm bơm) có thể vận hành ổn định.

7. *Sân tiêu năng* là một bộ phận kết cấu hạ tầng trong các công trình thủy lợi, được xây dựng bằng bê tông hoặc bê tông cốt thép dày ở ngay phía sau hạ lưu của công trình xả nước, có nhiệm vụ ép dòng chảy chuyển đổi trạng thái từ dòng chảy xiết sang dòng ngập (chảy êm).

8. *Chân mái đập* là đường giao tuyến giữa bề mặt mái đập (mái thượng lưu hoặc mái hạ lưu) với mặt đất tự nhiên (nền đất/đá nguyên thủy) hoặc với mặt sân bảo vệ của công trình thủy lợi.

9. *Đập dâng* là một loại hình công trình thủy lợi được xây dựng chặn ngang dòng sông, suối hoặc kênh rạch nhằm mục đích nâng cao mực nước thượng lưu lên một cao trình nhất định, từ đó tạo điều kiện thuận lợi để dẫn nước vào các kênh tự chảy hoặc trạm bơm phục vụ tưới tiêu, cấp nước sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Quy định phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi

1. Đập đầu mối

a) Đập cấp I

Phạm vi vùng phụ cận cách chân mái đập về phía thượng lưu là 30 m;

Phạm vi vùng phụ cận cách chân mái đập về phía hạ lưu đập là 30 m (*đối với đập không có sân tiêu năng*);

Phạm vi vùng phụ cận về phía hạ lưu đập cách mép ngoài sân tiêu năng là 30 m (*đối với đập có sân tiêu năng*);

Phạm vi vùng phụ cận cách vai đập là 30 m.

b) Đập cấp II

Phạm vi vùng phụ cận cách chân mái đập về phía thượng lưu là 20 m;

Phạm vi vùng phụ cận cách chân mái đập về phía hạ lưu đập là 20 m (*đối với đập không có sân tiêu năng*);

Phạm vi vùng phụ cận về phía hạ lưu đập cách mép ngoài sân tiêu năng là 20 m (*đối với đập có sân tiêu năng*);

Phạm vi vùng phụ cận cách vai đập là 20 m.

c) Đập cấp III

Phạm vi vùng phụ cận cách chân mái đập về phía thượng lưu là 10 m;

Phạm vi vùng phụ cận cách chân mái đập về phía hạ lưu đập là 10 m (*đối với đập không có sân tiêu năng*);

Phạm vi vùng phụ cận về phía hạ lưu đập cách mép ngoài sân tiêu năng là 10 m (*đối với đập có sân tiêu năng*);

Phạm vi vùng phụ cận cách vai đập 10 m.

d) Đập cấp IV

Phạm vi vùng phụ cận cách chân mái đập về phía thượng lưu là 5 m;

Phạm vi vùng phụ cận cách chân mái đập về phía hạ lưu đập là 5 m (*đối với đập không có sân tiêu năng*);

Phạm vi vùng phụ cận về phía hạ lưu đập cách mép ngoài sân tiêu năng là 5 m (*đối với đập có sân tiêu năng*);

Phạm vi vùng phụ cận cách vai đập là 5 m.

2. Trạm bơm

a) Khu vực trạm bơm đã có hàng rào bảo vệ: Phạm vi vùng phụ cận tính từ mép ngoài móng hàng rào bảo vệ;

b) Khu vực trạm bơm chưa có hàng rào bảo vệ: Phạm vi vùng phụ cận được tính là toàn bộ diện tích đất được Nhà nước giao khi xây dựng công trình đưa vào sử dụng.

3. Vùng phụ cận của kênh tưới, tiêu được quy định như sau: Phạm vi vùng phụ cận của kênh đất tính từ chân mái ngoài của kênh trở ra và tính từ điểm giao mái trong của kênh với mặt đất tự nhiên trở ra đối với kênh chìm. Phạm vi vùng phụ cận của kênh kiên cố được tính từ chân mái ngoài của bờ kênh.

a) Kênh có lưu lượng nhỏ hơn $0,5 \text{ m}^3/\text{s}$

Đối với kênh đất phạm vi vùng phụ cận là 1,0 m;

Đối với kênh kiên cố phạm vi vùng phụ cận là 0,5 m;

Đối với kênh chìm phạm vi vùng phụ cận là 1,0 m.

b) Kênh có lưu lượng từ $0,5 \text{ m}^3/\text{s}$ đến dưới $2 \text{ m}^3/\text{s}$

Đối với kênh đất phạm vi vùng phụ cận là 1,5 m;

Đối với kênh kiên cố phạm vi vùng phụ cận là 1,0 m;

Đối với kênh chìm phạm vi vùng phụ cận là 1,0 m.

c) Đối với những đoạn kênh, tuyến kênh có bờ kết hợp làm đường giao thông, phạm vi vùng phụ cận ngoài việc bảo đảm quy định trên còn phù hợp với quy định về hành lang bảo vệ công trình giao thông;

d) Khi kênh đi dưới đường dây tải điện hoặc đi song song với đường dây tải điện, phạm vi vùng phụ cận ngoài việc bảo đảm quy định trên còn phải tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn điện.

đ) Đường ống dẫn nước

Đối với đường ống có đường kính trong ≥ 1.000 mm: Phạm vi vùng phụ cận tính từ mép ngoài đường ống theo phương thẳng đứng trở ra mỗi bên là 1,5 m;

Đối với đường ống có đường kính trong < 1.000 mm: Phạm vi vùng phụ cận tính từ mép ngoài đường ống theo phương thẳng đứng trở ra mỗi bên là 1,0 m;

e) Các công trình trên kênh (gồm: Cổng lấy nước; dốc nước, công trình điều tiết mực nước và lưu lượng; công trình đo nước; cầu máng, xy phong, cống luồn; công trình xả nước khi có sự cố và xả nước cuối kênh; cầu qua kênh, kè bảo vệ bờ kênh): Phạm vi vùng phụ cận xác định như đối với kênh.

4. Kè sông, suối

a) Đối với kè cấp I, phạm vi vùng phụ cận được giới hạn từ mép ngoài cùng của kè ra mỗi phía tối thiểu là 50 m;

b) Đối với kè cấp II, phạm vi vùng phụ cận được giới hạn từ mép ngoài cùng của kè ra mỗi phía tối thiểu là 30 m;

c) Đối với kè cấp III, phạm vi vùng phụ cận được giới hạn từ mép ngoài cùng của kè ra mỗi phía tối thiểu là 20 m;

d) Đối với kè cấp IV, phạm vi vùng phụ cận được giới hạn từ mép ngoài cùng của kè ra mỗi phía tối thiểu là 10 m.

5. Tường chắn đất

a) Đối với tường cấp I, phạm vi vùng phụ cận được giới hạn từ mép ngoài cùng của tường ra mỗi phía tối thiểu là 50 m;

b) Đối với tường cấp II, phạm vi vùng phụ cận được giới hạn từ mép ngoài cùng của tường ra mỗi phía tối thiểu là 30 m;

c) Đối với tường cấp III, phạm vi vùng phụ cận được giới hạn từ mép ngoài cùng của tường ra mỗi phía tối thiểu là 20 m;

d) Đối với tường cấp IV, phạm vi vùng phụ cận được giới hạn từ mép ngoài cùng của tường ra mỗi phía tối thiểu là 10 m.

Điều 4. Cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi

1. Các trường hợp phải cấm mốc chỉ giới

a) Đập của hồ chứa nước có dung tích từ 50.000 m³ đến dưới 500.000 m³ hoặc đập có chiều cao trên 5,0 m đến dưới 10 m;

b) Lòng hồ chứa nước có dung tích từ 50.000 m³ đến dưới 500.000 m³;

c) Đập đầu mối, trạm bơm;

d) Kênh kiên cố có lưu lượng thiết kế từ 1 m³/s đến dưới 5 m³/s hoặc chiều rộng đáy từ 1,0 m đến dưới 5,0 m;

đ) Kênh chìm có lưu lượng thiết kế từ 1 m³/s đến dưới 5 m³/s hoặc chiều rộng đáy từ 1,0 m đến dưới 5,0 m;

e) Kè sông, suối, tường chắn đất: Tất cả các kè sông, suối, tường chắn đất kiên cố có chiều dài tuyến từ 200 m trở lên.

2. Khoảng cách giữa các mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi

a) Khoảng cách mốc:

Đối với đập quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, khoảng cách giữa hai mốc liền nhau là 50 m; trường hợp đập gần khu đô thị, dân cư tập trung là 20 m; tại điểm góc của đường chỉ giới phải có mốc;

Đối với lòng hồ chứa nước quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, khoảng cách giữa hai mốc liền nhau là 300 m; trường hợp lòng hồ gần khu đô thị, dân cư tập trung là 20 m; tại điểm góc của đường chỉ giới phải có mốc;

Đối với đập đầu mối, trạm bơm quy định tại điểm c khoản 1 Điều này khoảng cách giữa hai mốc liền nhau là 50 m; trường hợp gần khu đô thị, dân cư tập trung là 25 m. Tại điểm góc của đường chỉ giới phải có mốc;

Đối với kênh kiên cố quy định tại điểm d khoản 1 Điều này, khoảng cách giữa hai mốc liền nhau từ 100 m đến 200 m, trường hợp gần khu đô thị, dân cư tập trung là 50 m đến 100 m. Tại điểm chuyển hướng của đường chỉ giới phải có mốc;

Đối với kênh chìm quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này, khoảng cách giữa hai mốc liền nhau từ 100 m đến 200 m, trường hợp gần khu đô thị, dân cư tập trung là 50 m đến 100 m. Tại điểm chuyển hướng của đường chỉ giới phải có mốc;

Đối với kè sông, suối, tường chắn đất được quy định tại điểm e khoản 1 Điều này, khoảng cách giữa hai mốc liền nhau là 100 m; trường hợp kè sông, suối, tường chắn đất gần hoặc trong khu đô thị, dân cư tập trung là 50 m. Tại các điểm chuyển hướng của đường chỉ giới phải có mốc.

b) Vị trí cắm mốc tại các điểm chuyển hướng, điểm giao cắt với địa hình, địa vật; bảo đảm dễ quan sát, không ảnh hưởng tới giao thông và thuận tiện bảo quản.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 5. Trách nhiệm của các sở, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường; tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình thủy lợi

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

a) Kiểm tra, đôn đốc các địa phương, tổ chức, cá nhân khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi triển khai thực hiện quy định này. Tổng hợp kết quả thực hiện

hàng năm, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định;

b) Chỉ đạo các tổ chức, cá nhân khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi rà soát hiện trạng sử dụng đất trong hành lang bảo vệ công trình; phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các trường hợp bị thu hồi đất trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật;

c) Xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh;

d) Chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi có liên quan trong việc phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi; đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho người làm công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi Quy định này.

3. Sở Xây dựng

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc xác định phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi có kết hợp giao thông, thực hiện cắm biển báo, chỉ giới bảo đảm an toàn công trình giao thông.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Phối hợp tuyên truyền, nâng cao ý thức cộng đồng và các tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch trong việc chấp hành quy định về bảo vệ công trình thủy lợi; phối hợp kiểm tra, rà soát các hoạt động du lịch có nguy cơ vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình thủy lợi.

5. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường bảo vệ công trình thủy lợi thuộc khu vực quốc phòng; xử lý các vụ việc theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

6. Công an tỉnh

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã kịp thời ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

7. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện quy định này trên địa bàn; chỉ đạo các tổ chức, cá nhân khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, các đơn vị có liên quan trên địa bàn thực hiện quy định này;

b) Tham gia, phối hợp với đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi trong việc xây dựng và thực hiện phương án bảo vệ công trình, phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình;

c) Tiếp nhận, quản lý và bảo vệ các mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi khi được bàn giao; chỉ đạo các tổ chức, cá nhân khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi có liên quan rà soát hiện trạng sử dụng đất trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi để thực hiện việc thu hồi đất, giao đất theo thẩm quyền; tổ chức thực hiện công tác di dời nhà và công trình nằm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi sau khi phương án cấm mốc được phê duyệt;

d) Kịp thời xử lý những hành vi lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn theo thẩm quyền. Chịu trách nhiệm khi đề xảy ra hiện tượng lấn, chiếm, sử dụng trái phép phần đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ công trình thủy lợi tại địa phương;

e) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Nông nghiệp và Môi trường*) về tình hình vi phạm và công tác xử lý vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn.

8. Các tổ chức, cá nhân khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi:

a) Lập phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ các công trình thủy lợi đối với các công trình đang khai thác phải cấm mốc chỉ giới, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt; phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức cấm mốc chỉ giới trên thực địa; quản lý, bảo vệ mốc chỉ giới, lưu trữ hồ sơ cấm mốc theo quy định;

b) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã về việc rà soát hiện trạng sử dụng đất trong hành lang bảo vệ công trình, kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc thu hồi đất, giao đất theo quy định;

c) Thường xuyên kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi và báo cáo các cấp có thẩm quyền để xử lý kịp thời; phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức tuyên truyền việc thực hiện quy định này trên địa bàn có công trình được giao quản lý, khai thác;

d) Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình vi phạm, lấn chiếm hành lang bảo vệ công trình thủy lợi với cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương;

đ) Lập và bàn giao hồ sơ quản lý phạm vi bảo vệ công trình cho Ủy ban nhân dân cấp xã để phối hợp quản lý, khai thác;

e) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã xác định mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên bản đồ địa chính đối với các khu vực đã có bản đồ địa chính. Trường hợp chưa có bản đồ địa chính thì phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi phải được thể hiện trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất và đưa vào kế hoạch sử dụng đất; cập nhật, bổ sung mốc chỉ giới bảo vệ công trình sau khi bản đồ địa chính được thành lập.

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các công trình thủy lợi đã vận hành trước khi Quy định có hiệu lực và đã được cắm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ thì tiếp tục thực hiện theo mốc chỉ giới đã được cắm.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi đang triển khai:

a) Dự án đã được phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và đang triển khai xây dựng: Tiếp tục thực hiện xác định phạm vi vùng phụ cận và cắm mốc chỉ giới theo hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt;

b) Dự án đang trong giai đoạn lập, thẩm định hoặc đã thẩm định nhưng chưa phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công: Chủ đầu tư có trách nhiệm chỉ đạo đơn vị tư vấn rà soát, điều chỉnh thiết kế phạm vi vùng phụ cận và phương án cắm mốc chỉ giới bảo vệ công trình phù hợp với Quy định này trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có những nội dung cần sửa đổi, bổ sung, đề nghị các sở, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.